|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG……………………………**  **TỔ: ………………………** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC: LỊCH SỬ. KHỐI LỚP: 10.**

(Năm học 2021 - 2022)

**Cả năm: 35 tuần (52 tiết) (THỰC HỌC)**

**- HỌC KÌ I: 18 tiết - Từ tuần 1 đến tuần 18**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học/Chủ đề**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Gợi ý**  **Hình thức/địa điểm dạy học**  **(4)** | **Gợi ý**  **Hướng dẫn thực hiện**  **(5)** |
| 1 | **Chủ đề:**  Xã hội nguyên thủy (Bài 1, Bài 2 và Bài 13) | 02(1,2) | ***Phần này quý thầy cô ở các trường tự làm*** | Tổ chức dạy học trên lớp, hoặc tự tìm hiểu ở nhà, ngoài nhà trường (sưu tầm tư liệu, hiện vật về xã hội nguyên thủy Việt Nam) | \*Tích hợp liên hệ những nội dung của Bài 13. Việt Nam thời nguyên thủy thành những nội dung cụ thể của bài 1. Sự xuất hiện loài người và bầy người nguyên thủy với bài 2 Xã hội nguyên thủy thế giới thành chủ đề: *Xã hội nguyên thủy* theo hướng tìm hiểu xã hội nguyên thủy thế giới để soi vào xã hội nguyên thủy Việt Nam. (Liên hệ bài 13: Việt Nam thời nguyên thủy)  1. Nguồn gốc loài người và quá trình chuyển biến từ vượn cổ thành Người tối cổ, Người tinh khôn.  + Phiếu học tập: Quá trình tiến hóa của loài người   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Nội dung | Thời gian, địa điểm | Đặc điểm | Công cụ  lao động | Phát minh | Tổ chức xã hội | | Người vượn cổ |  |  |  |  |  | | Người tối cổ |  |  |  |  |  | | Người tinh khôn |  |  |  |  |  |   2. Đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội trong giai đoạn đầu của xã hội nguyên thuỷ.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nội dung | Thời kỳ bầy người nguyên thủy | Công xã thị tộc mẫu hệ | | Đời sống vật chất |  |  | | Đời sống tinh thần |  |  | | Tổ chức |  |  |   3. Thị tộc, bộ lạc.  -Chỉ ra hạn chế của Bầy người nguyên thủy khi dân số tăng? Giải pháp đưa ra?  -Thế nào là thị tộc? Quan hệ trong thị tộc biểu hiện như thế nào? Bộ Lạc là gì? Quan hệ trong bộ lạc biểu hiện như nào?  4. Buổi đầu của thời đại kim khí.  -Công cụ bằng kim khí ra đời ở đâu, trong khoảng thời gian nào?  -Sự ra đời của công cụ bằng kim khí có tác dụng gì đối với cư dân trên trái đất?  -Công cụ bằng kim khí ra đời tác động như nào đến tình hình xã hội cư dân?  5. Sự xuất hiện của tư hữu và xã hội có giai cấp.  -Nguyên nhân nào dẫn tới sự xuất hiện tư hữu?  -Sự xuất hiện tư hữu đã tác động như thế nào đến sự tan rã của công xã thị tộc, hình thành xã hội có giai cấp? |
| 2 | **Chủ đề:**  Xã hội cổ đại phương Đông và phương Tây (Bài 3 và Bài 4). | 03(3,4,5) |  | Tổ chức dạy học trên lớp. | \*Tích hợp mục 1,2 của bài 3 thành  1. Sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông. Tập trung làm rõ: điều kiện hình thành và khoảng thời gian hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông.  Tích hợp mục 3, 4 thành mục của bài 3 thành  2. Chế độ chuyên chế cổ đại. Tập trung làm rõ: thể chế chính trị và cơ cấu xã hội của xã hội cổ đại phương Đông.  3. Văn hóa cổ đại phương Đông. (Lập bảng)   |  |  | | --- | --- | | Thành tựu | Phương Đông | | Lịch |  | | Chữ viết |  | | Toán |  | | Văn học |  | | Nghệ thuật |  |   \*Tích hợp mục 1,2 bài 4 thành mục  1. Thị quốc Địa Trung Hải. Tập trung làm rõ: điều kiện hình thành và những đặc trưng của Thị quốc.  2. Văn hóa cổ đại Hy Lạp - Rô Ma (Lập bảng)   |  |  | | --- | --- | | Thành tựu | Phương Tây | | Lịch |  | | Chữ viết |  | | Toán |  | | Văn học |  | | Nghệ thuật |  | |
| 3 | **Bài 5:**  Trung Quốc thời phong kiến | 02(6,7) |  | Tổ chức dạy học trên lớp. | 1. Trung Quốc thời Tần - Hán: Sự xác lập chế độ phong kiến thời Tần, Hán (chính trị, kinh tế, xã hội)  2. Sự phát triển chế độ Phong kiến thời Đường. (bộ máy nhà nước, chọn người tài qua thi cử. Kinh tế chú ý chế độ quân điền. Nhấn mạnh cả thời Đường).  3. Trung Quốc thời Minh - Thanh (chính trị): Hướng dẫn HS xây dựng trục thời gian: Hán - Tùy - Đường-Tống - Nguyên - Minh - Thanh (Chú ý kinh tế thời Minh - Thanh).  4. Văn hóa Trung Quốc thời phong kiến (Hướng dẫn học sinh lập bảng về thành tựu văn hóa)   |  |  | | --- | --- | | Lĩnh vực | Thành tựu | | Tư tưởng |  | | Lịch sử |  | | Văn học |  | | Nghệ thuật |  | | Kĩ thuật |  | |
| 4 | **Chủ đề:**  Sự phát triển lịch sử và nền văn hóa truyền thống Ấn Độ (Bài 6 và Bài 7) | 01(8) |  | Tổ chức dạy học trên lớp. | 1. Ấn Độ từ vương triều Gúp-ta đến Mô Gôn, tập trung vào tóm tắt những nội dung chính của các vương triều.  2. Văn hóa Ấn Độ thời phong kiến (tôn giáo, kiến trúc, văn hóa. |
| 5 | **Ôn tập** | 01(9) |  | Tổ chức ôn tập trên lớp. | Ôn tập theo ma trận của Sở. |
| 6 | **Kiểm tra**  **giữa học kì I** | 01(10) |  | Tổ chức kiểm tra trên lớp hoặc kiểm tra chung (tùy trường). | |
| 7 | **Chủ đề:**  Đông Nam Á thời phong kiến (Bài 8 và Bài 9) | 01(11) |  | Tổ chức dạy học trên lớp. | + Mục 1. Sự ra đời của các vương quốc cổ ở ĐNA (Khái quát cơ sở hình thành và giới thiệu 1 số vương quốc cổ ở Đông Nam Á.  + Mục 2. Sự hình thành và phát triển các quốc gia phong kiến ở ĐNA.  + Cả bài Vương quốc Cam-Pu-chia và vương quốc Lào chỉ tập trung những sự kiện chính về sự hình thành và phát triển vương quốc CPC, Lào. |
| 8 | **Chủ đề:**  Tây Âu thời trung đại (Bài 10 và Bài 11) | 02 (12,13) |  | Tổ chức dạy học trên lớp. | + Mục 1: Thời kỳ hình thành và phát triển (tập trung vào khái quát những việc làm của người Giéc man đã tác động đến sự hình thành quan hệ sản xuất phong kiến ở châu Âu, sự ra đời các vương quốc PK Tây Âu; Lãnh địa và thành thị trung đại.  + Mục 2: Tây Âu thời hậu kỳ trung đại (Nguyên nhân, các cuộc phát kiến, hệ quả của những cuộc phát kiến địa lý và sự nảy sinh chủ nghĩa tư bản). |
| 9 | **Bài 12**: Ôn tập LSTG thời nguyên thủy, cổ và trung đại | 01(14) |  | Tổ chức ôn tập trên lớp. | Hệ thống hóa được những nội dung chính và sự kiện tiêu biểu của lịch sử thế giới thời nguyên thủy, cổ đại và trung đại. |
| 10 | **Ôn tập** | 01(15) |  | Tổ chức dạy học trên lớp. | Dạy bổ sung kiến thức và hướng dẫn HS ôn tập theo ma trận của Sở. |
| 11 | **Ôn tập** | 01(16) |  | Tổ chức dạy học trên lớp. | Dạy bổ sung kiến thức và hướng dẫn HS ôn tập theo ma trận của Sở. |
| 12 | **Ôn tập** | 01(17) |  | Tổ chức dạy học trên lớp. | Dạy bổ sung kiến thức và hướng dẫn HS ôn tập theo ma trận của Sở. |
| 13 | **Kiểm tra**  **cuối học kì I** | 01(18) | **Kiểm tra theo đề của Sở.** | | |

**HỌC KÌ II. 34 tiết/17 tuần - Từ tuần 19 đến tuần 35 (thực học)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học/Chủ đề**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Gợi ý**  **Hình thức/địa điểm dạy học**  **(4)** | **Gợi ý**  **Hướng dẫn thực hiện**  **(5)** |
| 1 | **Bài 13:**  VN thời nguyên thủy |  | ***Phần này quý thầy cô ở các trường tự làm*** | *Đã tích hợp ở bài 1 và bài 2 phần lịch sử thế giới* | |
| 2 | **Bài 14:**  Các quốc gia cổ đaị trên đất nước VN | 1(19) |  | Tổ chức dạy học trên lớp hoặc tự tìm hiểu ở nhà (tìm hiểu trước những nét chính về quốc gia Văn Lang - Âu Lạc, quốc gia cổ Cham-pa, quốc gia cổ Phù Nam.). | GV hướng dẫn học sinh tập trung vào các dữ liệu sau:  - Tóm tắt quá trình hình thành quốc gia Văn Lang - Âu Lạc, quốc gia cổ Cham-pa, quốc gia cổ Phù Nam.  - Trình bày những nét khái quát về tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của các quốc gia Văn Lang - Âu Lạc, Cham Pa và Phù Nam.  - Lí giải được ba quốc gia trên, vì sao:  + Văn Lang - Âu Lạc: là tiền thân của nước Việt Nam ngày nay…  + Cham Pa: từ sau thế kỉ XV trở thành một bộ phận lãnh thổ, cư dân và văn hóa Việt Nam…  + Phù Nam: cuối thế kỉ VI suy yếu, bị Chân Lạp thôn tính…  - Những đóng góp của ba quốc gia đối với dân tộc Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa. |
| 3 | **Chủ đề:** Thời Bắc thuộc và các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc *(Từ thế kỉ II TCN đến đầu thế kỉ X). (*Bài 15 và Bài 16) | 2(20,21) |  | Tổ chức dạy học trên lớp. | GV hướng dẫn học sinh tập trung vào các dữ liệu sau:  1. Chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc  2. Một số cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân ta từ thế kỉ I đến đấu thế kỉ X. (Hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê các sự kiện tiêu biểu). |
| 4 | **Chủ đề:**  Chế độ phong kiến Việt Nam (TK X - TK XVIII). (Bài 17 và 21) | 2(22,23) |  | Tổ chức dạy học trên lớp. | GV hướng dẫn học sinh tập trung vào các dữ liệu sau:  I. Bước đầu xây dựng nhà nước phong kiến độc lập ở thế kỉ X  II. Quá trình phát triển và hoàn chỉnh nhà nước phong kiến ở các thế kỉ XI-XV (khái quát tập trung vào tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê Tháng Tông)  III. Những biến đổi của nhà nước phong kiến ở các TK XVI - XVIII. |
| 5 | **Chủ đề:**  Kinh tế của nhà nước phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X- nửa đầu thế kỉ XIX (Bài 18; 22; 25) | 3(24,25,26) |  | Tổ chức dạy học trên lớp. | GV sắp xếp lại các nội dung của 3 bài 18, 22 và mục 2 của bài 25. Với các nội dung:  I. Công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế từ thế kỉ X-XV  II. Tình hình kinh tế ở các thế kỉ XVI-XVIII.  III. Kinh tế nhà Nguyễn thế kỉ ở nửa đầu thế kỉ XIX. (khái quát 1 số chính sách của nhà Nguyễn về kinh tế) |
| 6 | **Chủ đề:**  Những cuộc chiến đấu chống ngoại xâm thế kỷ X – XVIII (Bài 19; 23) | 2(27,28) |  | - Tổ chức dạy học trên lớp.  - Cho học sinh tự tìm hiểu ở nhà một số anh hùng dân tộc tiêu biểu và diễn biến một số cuộc đấu tranh chống ngoại xâm. | GV hướng dẫn học sinh:  - Liệt kê được các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa chống ngoại xâm ở các TK X - XVIII.  - Nêu được đặc điểm và nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của các cuộc kháng chiến đó.  - Kể tên các anh hùng dân tộc gắn liền với các cuộc kháng chiến.  - Một số nét tiêu biểu về phong trào Tây Sơn, vương triều Tây Sơn; vai trò, công lao của phong trào nông dân Tây Sơn nói chung và Quang Trung - Nguyễn Huệ nói riêng đối với lịch sử dân tộc. |
| 7 | **Chủ đề:**  Văn hoá dân tộc từ thế kỉ X- nửa đầu thế kỉ XIX (Bài 20; 24; 25) | 3(29,30,31) |  | - Tổ chức dạy học trên lớp hoặc tự tìm hiểu ở nhà, (sưu tầm một số tác phẩm văn học tiêu biểu của dân tộc thế kỉ X-XIX). | GV sắp xếp lại nội dung các phần của Bài 20, Bài 24 và mục 3 của Bài 25 thành một chủ đề: Văn hoá dân tộc từ thế kỉ X- nửa đầu thế kỉ XIX với các nội dung: (Lập bảng thống kê)  I. Xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc trong các thế kỷ X-XV  Giáo dục, văn học, nghệ thuật, khoa hoc- kĩ thuật  II. Tình hình văn hoá ở các thế kỉ XVI-XVIII  1. Tư tưởng, tôn giáo  2. Nghệ thuật, khoa học-kĩ thuật  III. Tình hình văn hoá ở các thế kỉ ở nửa đầu thế kỉ XIX  1. Tư tưởng, tôn giáo  2. Nghệ thuật, khoa học-kĩ thuật  - Tích hợp liên môn với Ngữ văn một số tác phẩm văn học tiêu biểu của dân tộc thế kỉ X-XIX. |
| 8 | **Chủ đề:**  Tình hình chính trị - xã hội dưới triều Nguyễn ở nửa đầu thế kỉ XIX (Bài 25; 26) | 2(32,33) |  | Tổ chức dạy học trên lớp. | Gv sắp xếp lại các phần còn lại của Bài 25 và Bài 26 thành một chủ đề: Tình hình chính trị - xã hội dưới triều Nguyễn ở nửa đầu thế kỉ XIX với các nội dung:  I. Xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước dưới triều Nguyễn ở nửa đầu thế kỉ XIX.  II. Tình hình xã hội và đời sống nhân dân, các phong trào đấu tranh. |
| 9 | **Bài 27:** Quá trình dựng nước và giữ nước. |  |  | Học sinh tự học | |
| 10 | **Bài 28:** Truyền thống yêu nước của dân tộc VN thời phong kiến. |  |  |
| 11 | **Ôn tập** | 1(34) |  | Tổ chức ôn tập trên lớp. | |
| 12 | **Kiểm tra**  **giữa học kì II** | 1(35) |  | Tổ chức kiểm tra trên lớp hoặc kiểm tra chung (tùy trường). | |
| 13 | **Chủ đề:**  Các cuộc cách mạng tư sản đầu thời cận đại (Bài 29,30,31; 33) | 5(36,37,38,  39,40) |  | Tổ chức dạy học trên lớp. | GV hướng dẫn học sinh  \* 1. Cách mạng tư sản Anh  - Nêu được tiền đề dẫn đến CM tư sản Anh  - Lập niên biểu những sự kiện chính trong diễn biến cách mạng.  - Nêu được kết quả; phân tích được tính chất, ý nghĩa cách mạng Anh.  \* 2. Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ  - Nêu được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Bắc Mĩ và nguyên nhân bùng nổ chiến tranh.  - Lập niên biểu các sự kiện chính trong diễn biến chiến tranh  - Trình bày được kết quả, tính chất, ý nghĩa của cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ.  \* 3. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII  Nêu ngắn gọn về kinh tế, xã hội, tư tưởng của nước Pháp.  Hướng dẫn HS lập niên biểu tiến trình cách mạng, nhấn mạnh sự kiện 14/7, "Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền", nền chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh.  \* 4. Hoàn thành cách mạng tư sản ở châu Âu và Mĩ giữa thế kỉ XIX. (Dạy nội dung: nội chiến ở Mĩ 1861-1865)  (vì mục thống nhất nước Đức, Italia (HS tự học) |
| 14 | **Chủ đề:**  Cách mạng công nghiệp ở châu Âu, các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa (Bài 32 và 34) | 1(41) |  | - Tổ chức dạy học trên lớp. | 1. Cách mạng CN Anh. (Tiền đề CM, Thành tựu (GV hướng dẫn học sinh lập bảng).  2. Hệ quả của cách mạng CN..  3. Thành tựu KH-KT cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.(lập bảng) |
| 15 | **Bài 35:**  Các nước đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mĩ và sự bành trướng thuộc địa |  |  | Học sinh tự học | |
| 16 | **Chủ đề:**  **Sự hình thành và phát triển của phong trào công nhân ở thế kỉ XIX đến nửa đầu thế kỉ XX** (Bài 36, 37,38,39,40) | 3(42,43,44) |  | \* Tiết 1:  1. Phong trào công nhân thế kỷ XIX (ghép mục 2 bài 36 với mục 1 bài 39) (mục 1 bài 36 và mục 2 bài 39 HS tự học)  2. Chủ nghĩa xã hội không tưởng.  \* Tiết 2: Ghép Bài 37 với bài 38  1. Tổ chức Đồng minh những người cộng sản và Tuyên ngôn Đảng cộng sản.(mục 2 bài 37) (mục 1 bài 37 HS đọc thêm)  2. Giới thiệu nét chính về Quốc tế thứ nhất. (mục I bài 38)  3. Cách mạng 18/3/1871. Công xã Pari - Nhà nước kiểu mới. (mục II.1 và mục II.2 bài 38)  \* Tiết 3: Bài 40: Lê-nin và phong trào công nhân nửa đầu thế kỉ XX.  GV hướng dẫn HS:  - Nêu được những hoạt động bước đầu của Lênin trong phong trào công nhân ở Nga.  - Nêu và lí giải được cuộc cách mạng 1905-1907 ở Nga là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới (do giai cấp vô sản lãnh đạo, giải quyết những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ tư sản và đặt cơ sở cho việc chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.  - So sánh được CMDCTS kiểu cũ và CMDCTS kiểu mới. | |
| 17 | **Lịch sử địa phương** | 2(45,46) |  | Tùy từng trường | |
| 18 | **Ôn tập** | 1(47) |  | Dạy bổ sung kiến thức và hướng dẫn HS ôn tập theo ma trận của Sở. | |
| 19 | **Ôn tập** | 1(48) |  | Dạy bổ sung kiến thức và hướng dẫn HS ôn tập theo ma trận của Sở. | |
| 20 | **Ôn tập** | 1(49) |  | Dạy bổ sung kiến thức và hướng dẫn HS ôn tập theo ma trận của Sở. | |
| 21 | **Ôn tập** | 1(50) |  | Dạy bổ sung kiến thức và hướng dẫn HS ôn tập theo ma trận của Sở. | |
| 22 | **Ôn tập** | 1(51) |  | Dạy bổ sung kiến thức và hướng dẫn HS ôn tập theo ma trận của Sở. | |
| 23 | **Kiểm tra**  **cuối học kì II** | 1(52) | **Kiểm tra theo đề của Sở.** | | |

**DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU TỔ TRƯỞNG NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**

**\* Chú ý:**

**- Nếu không dịch covid, vẫn còn học tập trung thì tiếp tục dạy bổ sung kiến thức ở nội dung mà học sinh tự học và ôn tập củng cố kiến thức bằng nhiều hình thức như sử dụng sơ đồ tư duy, trò chơi “đố vui để học”, “rung chuông vàng”…**

**- Những nội dung không có sự thay đổi thầy cô vẫn tiến hành dạy như trước đây.**

**- Cột (3): Các đơn vị tự làm.**

**-Cột (4); (5): Chỉ để tham khảo (Tổ (nhóm) bộ môn ở mỗi trường tự linh hoạt).**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT…..**  **TỔ: SỬ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC: LỊCH SỬ. KHỐI LỚP: 11.**

(Năm học 2021 - 2022)

**Cả năm: 35 tuần (35 tiết) ( THỰC HỌC)**

**- HỌC KÌ I: 18 tiết - Từ tuần 1 đến tuần 18**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học/Chủ đề (1)** | **Số tiết (2)** | **Yêu cầu cần đạt (3)** | **Hình thức/địa điểm dạy học (4)** | **Hướng dẫn thực hiện (5)** |
| 1 | Nhật Bản | 01(1) | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Nêu được những nét chính về tình hình Nhật Bản từ đầu TK XIX, đến trước năm 1868.  - Trình bày được nội dung và ý nghĩa của cuộc Duy tân Minh Trị.  - Lí giải được sự thành công của cuộc Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản.  - Liên hệ với các cuộc cải cách cùng thời ở châu Á, trong đó có Việt Nam.  - Nêu được những biểu hiện của Nhật Bản khi bước sang giai đoạn CNĐQ.  ***1.2. Năng lực chung:***  - Năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.  ***2. Phẩm chất:***  - Giáo dục tinh thần yêu nước, chăm chỉ, tinh thần tự cường, tinh thần đổi mới thông qua tấm gương Nhật Bản.  - Biết căm ghét, phẫn nộ trước các chính sách gây chiến tranh, xâm lược. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | GV hướng dẫn HS tự học Mục 1 và rút ra được nguyên nhân cuộc Duy tân Minh Trị thông qua việc đặt ra câu hỏi: tình hình Nhật Bản từ đầu thế kỉ XIX đến trước 1868 có những điểm gì nổi bật? Mục 2 và Mục 3 giảng dạy như trước. |
| 2 | Ân Độ | 01(2) | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Nêu được nét chính về tình hình kinh tế - xã hội Ấn Độ nửa sau TK XIX, dưới sự cai trị của thực dân Anh.  - Sự thành lập, hoạt động và vai trò của Đảng Quốc Đại.  ***1.2. Năng lực chung:***  - Hình thành năng lực tự học, lập luận, hợp tác, thu thập kiến thức, năng lực tường thuật so sánh, liên hệ, năng lực khai thác lược đồ   1. ***Phẩm chất:***   Bồi dưỡng tinh thần tình đoàn kết gắn bó dân tộc. | Trên lớp | Ở mục 3. Đảng Quốc đại ( 1885-1908):  - GV hướng dẫn HS lập bảng thống kê các sự kiện tiêu biểu trong phong trào độc lập ở Ấn Độ 1885-1908. Nêu được  ý nghĩa của phong trào 1905-1908. |
| 3 | Trung Quốc | 01(3) | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - HS lập được bảng niên biểu thống kê các cuộc ĐT tiêu biểu gồm các nội dung như:thời gian, người lãnh đạo, kết quả, ý nghĩa.  - Nêu và phân tích được sự thành lập, cương lĩnh, mục tiêu của t/c Đồng Minh Hội, nhẫn mạnh vai trò của Tôn Trung Sơn đối với tổ chức này.  - Nêu và phân tích được nét chính về CM Tân Hợi (nguyên nhân, thời gian diễn biến, kết quả, ý nghĩa, hạn chế)  ***1.2. Năng lực chung:***  - Hình thành năng lực tự học, năng lực sáng tạo, năng lực khai thác lược đồ, tìm và sử dụng tư liệu, lập bảng thống kê, giao tiếp, hợp tác...   1. ***Phẩm chất:***   - Thái độ chăm chỉ, nhiệt tình khi tham gia các hoạt động tập thể. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học | - Ở mục 2. Phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc giữa TK XIX - đầu TK XX:   GV hướng dẫn HS lập bảng  những nét chính: tên phong trào, thời gian, người lãnh đạo, kết quả và ý nghĩa).( chuẩn bị trước ở nhà) |
| 4 | Chủ đề: Các nước Đông Nam Á(bài 4 và 16) | 02(4) | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Nêu được quá trình xâm lược của các nước phương Tây vào các nước Đông Nam Á.  - Nêu được những nét chính trong phong trào đấu tranh chống xâm lược ở Cam-pu-chia và Lào.  - Nêu và lí giải về mức độ thành công của cuộc cải cách ở nước Xiêm, qua đó giải thích cho nguyên nhân vì sao nước Xiêm là nước duy nhất trong khu vực vẫn giữ được nền độc lập tương đối của minh.  ***1.2. Năng lực chung:***  - Hình thành năng lực tự học, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, khả năng khai thác lược đồ, lập bảng thống kê, rút ra bài học lịch sử…  ***2. Phẩm chất:***  - Có tinh thần đoàn kết, ủng hộ cuộc đấu tranh vì độc lập, tiến bộ của các nước trong khu vực. | Trên lớp kết hợp với hướng dẫn HS tự học | - Tích hợp, cấu trúc phần còn lại ( trừ phần giảm tải) của Bài 4 và Bài 16 thành một chủ đề: Phong trào đấu tranh ở Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX đến trước Chiến tranh thế giới thứ hai (1939). Cụ thể:  1. Quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân vào các nước Đông Nam Á ( Hướng dẫn HS tìm hiểu nguyên nhân CNTD xâm lược ĐNA thông qua câu hỏi về nhà trước.)  2. Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp ở Lào và Campuchia.( hướng dẫn HS lập bảng trước ở nhà với nội dung như : tên cuộc KN , người lãnh đạo, thời gian, địa bàn. Từ đó rút ra những điểm mới của phong trào độc lập dân tộc giữa 2 cuộc chiến tranh thế giới so với cuối TK XIX )  3. Nội dung Cải cách Rama V. |
| 5 | Châu Phi và khu vực Mĩ latinh (TK XIX-đầu TK XX) | 01(5) | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Nêu được những nét chung về tình hình của châu Phi và khu vực MLT  - Nêu được quá trình xâm lược Châu Phi và khu vực Mĩlatinh của các nước thực dân đế quốc trong thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.  - Liệt kê được những phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân châu Phi và Mĩ Latinh.  - Lí giải được: nguyên nhân thất bại của phong trào đấu tranh của nhân dân châu Phi trong thời kì này; quá trình lệ thuộc vào Mĩ ở khu vực MLT.  ***1. 2. Năng lực chung:***  ***-*** Nâng cao kỹ năng học tập bộ môn, biết liên hệ kiến thức đã học trong thực tế cuộc sống hiện nay, phân tích tài liệu, sự kiện rút ra kết luận.  ***2. Phẩm chất:***  - Giáo dục thái độ đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân châu Phi, Mĩ Latinh, lên án sự thống trị áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân, giáo dục tinh thần đoàn kết quốc tế. | Trên lớp và HD HS tự học | Phần phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Châu Phi và Mỹ La tinh cho học sinh nghiên cứu và lập bảng thống kê phong trào đấu tranh tại nhà. |
| 6 | Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) | 01(6) | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Lí giải được nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất.  - Trình bày được diễn biến chủ yếu, kết cục tranh, tính chất của chiến.  - Biết trình bày diễn biến chiến sự qua bản đồ, sử dụng tài liệu để rút ra những kết luận, nhận định, đánh giá.  - Phân biệt các khái niệm: “Chiến tranh đế quốc”, “Chiến tranh cách mạng”, “Chiến tranh chính nghĩa”, “Chiến tranh phi nghĩa”.  - Lên án chủ nghĩa đế quốc - nguồn gốc của chiến tranh.  ***1. 2 . Năng lực chung:***  - Hình thành năng lực hợp tác, năng lực tự học, năng lực tái hiện sự kiện. Năng lực khai thác tư liệu.  ***2. Phẩm chất:***  - Thông qua bài học, bồi dưỡng cho HS tinh thần đấu tranh chống áp bức, bảo vệ hòa bình thế giới, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. | Trên lớp kết hợp với hướng dẫn HS tự học. | Mục II. Diễn biến của chiến tranh:  GV hướng dẫn HS tóm tắt diễn biến chiến tranh, không cần sa vào chi tiết . ( Chuẩn bị trước ở nhà) |
| 7 | Những thành tựu văn hóa thời cận đại | 1(7) | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Liệt kế được những thành tựu văn học nghệ thuật tiêu biểu mà con người đã đạt được trong thời kỳ cận đại từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XX.  - Trình bày được cuộc đấu tranh trong lĩnh vực tư tưởng dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.  ***1.2. Năng lực chung:***  - Hình thành năng lực nhận biết, giao tiếp, học hỏi, năng lực thực hành bộ môn: Lập bảng biểu liệt kê, năng lực sử dụng kiến thức liên môn…  ***2. Phẩm chất:***  - Thông qua bài học, HS biết trân trọng và phát huy những giá trị văn hoá mà con người đã đạt được trong thời cận đại. | Dạy học trên lớp | **Giáo viên hướng dẫn HS:**  **- Lập bảng hệ thống về tác giả, tác phẩm nổi tiếng thuộc lĩnh vực văn học, nghệ thuật buổi đầu thời cận đại.**  **- Lập bảng hệ thống kiến thức về các nhà văn hóa từ đầu TK XIX đến đầu TK XX: tên tác giả, năm sinh, năm mất, tác phẩm tiêu biểu.** |
| 8 | Ôn tập LSTG cận đại |  | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Hệ thống và khái quát hóa nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới cận đại. Các vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới cận đạị: CMTS, CNĐQ, PTCN và sự ra đời của CNXHKH, CTTG thứ nhất, những thành tựu văn hoá.  ***1.2. Năng lực chung:***  ***-*** HS biết hệ thống, phân tích lịch sử, nhận biết các sự kiện, hợp tác, phân tích, tổng hợp các sự kiện....  ***2. Phẩm chất***  - Củng cố nhữngtư tưởng, tình cảm đúng đắn đã được hình thành qua các bài học. | hướng dẫn HS tự học | **Vì giai đoạn LSTG cận đại HS đã được học chi tiết nên chỉ cần hệ thống lại những kiến thức cơ bản theo mẫu gợi ý của SGK trang 44.**  **GV hướng dẫn HS hoàn thành bảng hệ thống các sự kiện chính của LSTG cận đại. ( lập bảng trước ở nhà)**  **- Mục 2. Hướng dẫn HS nhận thức đúng những vấn đề chủ yếu**  **(Có thể tổ chức trò chơi lịch sử để kiểm tra lại kiến thức cơ bản của giai đoạn lịch sử này vì LSTG cận đại đã được học ở lớp 10)( CÓ THỂ ĐƯA VÀO TIẾT NKHOA CUỐI HKI)** |
| 9 | Kiểm tra giữa HKI | 1(8) | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Củng cố nội dung kiến thức đã học và  Trả lời được các câu hỏi, bài tập từ các chương I; II; III mà các em đã được học.  - Hình thành năng lực tư duy, phân tích, so sánh, tổng hợp khái quát hóa nội dung để vận dụng giải bài tập thực tiễn.  ***1.2. Năng lực chung:***  - Hình thành ý thức độc lập tự tìm hiểu, khai thác vấn đề, áp dụng cho việc làm bài tập. | Theo kế hoạch trường | Bảng đặc tả và ma trận của Sở |
| 10 | Cách mạng tháng Mười Nga và công cuộc xây dựng Chủ nghĩa Xã hội ở Liên Xô (1921-1941) | 02(9,10) | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Trình bày được những nét chính về tình hình nước Nga đầu XX.  - Lí giải được vì sao nước Nga năm 1917 lại có hai cuộc CM: CM tháng Hai và CM tháng Mười.  - Nêu được những nét chính về diễn biến của cuộc Cách mạng tháng Hai và Cách mạng tháng Mười 1917.  - Nhận thức được ý nghĩa lịch sử và ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.  ***1.2. Năng lực chung:***  *-*Năng lực xác định mục tiêu, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tái hiện sự kiện, năng lực khai thác tư liệu, năng lực vận dụng kiến thức, liên hệ.  ***2. Phẩm chất:***  - Bồi dưỡng cho HS nhận thức đúng đắn và tình cảm cách mạng đối với cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học | - Tích hợp, cấu trúc phần còn lại của bài 9 và Bài 10 thành một chủ đề: Cách mạng tháng Mười nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921 - 1941). Cụ thể:  I. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.  1. Tình hình nước Nga trước cách mạng.( hướng dẫn HS liệt kê tình hình KT, CT, XH nước Nga bằng câu hỏi chuẩn bị trước)  2. Từ Cách mạng tháng Hai đến Cách mạng tháng Mười.  3. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga. ( HS tự học có hướng dẫn)  II. Chính sách kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế (192 - 1925)  1. Chính sách kinh tế mới  2. Sự thành lập Liên bang CHXHCN Xô viết.  III.  Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô( 1925- 1941) ( Hướng dẫn HS tự thống kê thành tựu tiêu biểu ở nhà) |
| 11 | Chủ đề: Các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới( 1918- 1939) Bài 11, 12, 13, 14. | 02(11,12,13) | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Nắm được tình hình chung của các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh; việc xác lập một trật tự thế giới mới sau chiến tranh. Bản chất của CNTB 1919 – 1939.  - Nhận thức được sự thiết lập một trật tự thế giới mới theo hệ thống hòa ước Véc-xai-Oa-sinh-tơn chứa đựng đầy mâu thuẫn và không vững chắc. nguy cơ một cuộc chiến tranh thế giới mới.  - Nêu được những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đối với nước Mĩ.  - Trình bày được những *Chính sách mới* của Tổng thống Rudơven trong việc đưa nước Mĩ thoát khỏi khủng hoảng, bước vào một thời kỳ phát triển mới - sự vươn lên về kinh tế của Mĩ từ su Chiến tranh thế giới thứ nhất  - Nêu được những nét chính về tình hình nước Đức và nước Nhật trong cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933).  - Nêu được quá trình phát xít hóa chính quyền ở Đức và Nhật Bản.  - Lí giải được vì sao CNPX lên nắm quyền được ở Đức và vì sao quá trình quân phiệt hóa lại diễn ra trong suốt những năm 30 – tk XX ở Nhật.  ***1.2. Năng lực chung:***  - Biết khai thác, sử dụng tranh ảnh, tư liệu, và biết so sánh, phân tích mối quan hệ quốc tế trong Trật tự thế giới theo hệ thống Véc xai – Oasinhtơn, nguyên nhân và hậu quả của khủng hoảng kinh tế 1929 -1933.  - Hình thành năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.  ***2. Phẩm chất:***  - Giáo dục tinh thần quốc tế chân chính, tin tưởng vào phong trào đấu tranh của nhân dân lao động, ý thức, ngăn chặn sự phát sinh phát triển của chủ nghĩa phát xít. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học | - Tích hợp, cấu trúc phần còn lại của 4 bài thành một chủ đề: Các nước tư bản chủ nghĩa giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)  I. Tình hình các nước tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)  1. Thiết lập trật tự thế giới mới theo hệ thống Vécxai – Oasinhtơn  2. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 và hậu quả của nó.  II. Các nước tư bản giai đoạn 1929 – 1939  1. Nước Đức  a. Khủng hoảng kinh tế và quá trình Đảng Quốc xã lên cầm quyền  b. Nước Đức trong những năm 1933 – 1939.  2. Nước Mĩ  a. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 ở Mĩ.  b. Chính sách mới của Tổng thống Mĩ Rudơven  3. Nhật Bản  a. Khủng hoảng kinh tế ở Nhật Bản  b. Quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước và cuộc đấu tranh của nhân dân   (Hướng dẫn HS chuẩn bị ở nhà với hệ thống câu hỏi như sau:  - Qúa trình khủng hoảng của các nước .  - Biện pháp giải quyết khủng hoảng.  - Qúa trình phát xít hóa bộ máy nhà nước của Nhật và Đức khác nhau như thế nào. |
| 12 | Ngoại khóa | 02(14,15) |  | Tại lớp hoặc trước cờ. | thông qua các trò chơi lịch sử, đố vui,  Đường lên đỉnh Olimpia, Rung chuông vàng, Theo dòng lịch sử…Nội dung bám sát kiến thức HKI |
| 13 | Ôn tập | 01(16,17) | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Ôn tập, củng cố và hệ thống lại tất cả các kiến thức của Phần I: Lịch sử thế giới cận đại với các chương I; II; III và phần hai: Lịch sử thế giới hiện đại (từ 1917- 1945) với các chương I; II.  - Làm được các câu hỏi bài tập được giao.  - Củng cố hơn nữa về ý thức và sự yêu thích học tập bộ môn.  ***1.2. Năng lực chung:***  - Hình thành năng lực tự học, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề...  ***2. Phẩm chất***  - Cần cù, chăm chỉ... | Trên lớp. | thông qua hệ thống câu hỏi mà GV đã cho HS về nhà chuẩn bị hoặc tổ chức trò chơi như ô chữ, mảnh ghép…  -Bám sát ma trận của Sở để ôn tập chuẩn bị ktra cuối hk1.  -Ôn tập lại những nội dung hướng dẫn HS tự học ở chủ đề CÁC NƯỚC ĐNA và bài ÔN TẬP LSTG CẬN ĐẠI. |
| 14 | Kiểm tra cuối học kì 1 | 01(18) | ***1. Năng lực***  - Rèn luyện cho học sinh kĩ năng trình bày vấn đề lịch sử. Vận dụng các kiến thức cơ bản để trả lời các câu hỏi TNKQ.  - Kĩ năng phân tích đề**.** Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn  ***2. Phẩm chất***  Giáo dục cho học sinh cách nhìn nhận, đánh giá khách quan vấn đề lịch sử. Đồng thời có thái độ nghiêm túc trong học tập. | Theo kế hoạch của Sở. |  |
|  |  |  |  |  |  |

**HỌC KÌ II. 17 tiết - Từ tuần 19 đến tuần 35 (thực học)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học/Chủ đề (1)** | **Số tiết (2)** | **Yêu cầu cần đạt (3)** | **Hình thức/địa điểm dạy học (4)** | **Hướng dẫn thực hiện (5)** |
| 1 | Bài 17. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) | 19,  20 | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Nêu và lí giải được những nguyên nhân cơ bản và con đường dẫn đến chiến tranh.  - Liệt kê và nêu được ý nghĩa các sự kiện chính trong diễn biến của chiến tranh.  - Trình bày được hậu quả và đánh giá được tính chất của cuộc chiến tranh này – So sánh với CTTG I.  ***1.2. Năng lực chung:***  - Tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề  - Rèn kĩ năng sử dụng lược đồ lược đồ chiến sự.  ***2.. Phẩm chất:***  - Nhận thức đúng đắn về chiến tranh và hậu quả khủng khiếp của nó đối với nhân loại. Từ đó nâng cao ý thức lên án, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình.  - Học tập tinh thần chiến đấu ngoan cường, dũng cảm của quân đội và nhân dân các nước trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, giành độc lập dân tộc và bảo vệ hoà bình thế giới. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | - GV phân tích, giảng giải nội dung con đường dẫn tới chiến tranh. Hướng dẫn HS rút ra nguyên nhân sâu xa của cuộc chiến.   Hướng dẫn học sinh tìm hiểu diễn biến chính của chiến tranh, Nêu ý nghĩa các sự kiện chính.( Chuẩn bị trước ở nhà với sự HD của GV)   Phân tích một số mốc quan trọng trong tiến trình chiến tranh để thấy rõ tính chất của chiến tranh và vai trò của Liên Xô trong việc kết thúc chiến tranh.  - Nhận thức và thái độ của HS về chiến tranh.  - Mối Liên hệ, sự tác động của CTTG II đến VN ( 1939-1945). |
| 2. | Bài 18. Ôn tập LSTG hiện đại 1917-1945. |  | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Ôn tập những nội dung chính đã học và những sự kiện lịch sử tiêu biểu: sự tiến bộ về khoa học – kĩ thuật, các nước tư bản chủ yếu, cao trào cách mạng thế giới, chiến tranh thế giới thứ hai.  - Củng cố, nâng cao tư tưởng cách mạng, lòng yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.  - Nhận thức rõ bản chất của CNTB, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phát xít và nâng cao tinh thần chống chiến tranh, chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hoà bình thế giới.  **-** Củng cố kĩ năng lập bảng hệ thống kiến thức lịch sử theo niên đại.  ***1.2. Năng lực chung:***  - Phát triển kĩ năng tổng hợp, khái quát vấn đề lịch sử, kỹ năng tổng hợp phân tích đánh giá các sự kiện lịch sử..  ***2. Phẩm chất:***  - Củng cố, nâng cao tư tưởng cách mạng, lòng yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.  - Hiểu rõ bản chất của CNTB, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phát xít và nâng cao tinh thần chống chiến tranh, chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hoà bình thế giới. | Hướng dẫn HS tự học ( có kiểm tra) | GV cho câu hỏi và bài tập về nhà dưới hình thức TN và TL. Sau đó GV kiểm tra việc thực hiện của các em … |
| 3. | Chủ đề: Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược(1858- 1884) (bài 19, 20) | 21,  22,  23 | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Nêu được tình hình VN đến giữa TK XIX  - Liệt kê được quá trình thực dân Pháp mở rộng xâm lược nước ta, từ đó thấy được bản chất và dã tâm xâm lược của chúng.  - Trình bày được cuộc kháng chiến của nhân dân ta trên các mặt trận: Đà Nẵng, Gia Định, Bắc Kì lần I, Bắc Kì lần II.  - Lí giải được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến của triều đình và nhân dân ta.  ***1.2. Năng lực chung:***  - Tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề…  - Rèn kĩ năng sử dụng lược đồ lược đồ chiến sự.  ***2. Phẩm chất:***  - Tự hào về truyền thống chống xâm lược của cha ông.  - Có nhận thức đúng với các nhân vật, sự kiện lịch sử cụ thể.  - Nâng cao lòng yêu nước, ý chí căm thù bọn cướp nước và tay sai bán nước. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học. | 1. **Tình hình VN đến giữa TK XIX.** 2. **Quá trình xâm lược của TD Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân VN**   - GV hướng dẫn HS lập bảng thống kê các sự kiện tiêu biểu về quá trình Pháp tấn công và xâm chiếm Việt Nam.( chuẩn bị trước ở nhà)  - HS lập bảng thống kê các sự kiện tiêu biểu về quá trình đấu tranh chống Pháp của nhân dân Việt Nam.( chuẩn bị trước ở nhà)  . Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử và những bài học. |
| 4. | Bài 21. Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam những năm cuối thế kỉ XIX | 24, 25 | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - HS nêu được Phong trào Cần vương  + Nguyên nhân sâu xa, trực tiếp. Các giai đoạn phát triển của phong trào, các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.  + Vì sao Hương Khê là cuộc k/n tiêu biểu nhất.  - Nét chính cuộc khởi nghĩa Yên Thế - Phong trào yêu nước của nông dân.  ***1.2. Năng lực chung:***  - Năng lực tự chủ và tự học : thông qua hoạt động tìm hiểu lịch sử, các nguồn sử liệu, trình bày ý kiến cá nhân...  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: thông qua các hoạt động nhóm  ***2. Phẩm chất:***  - Giáo dục tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh giải phóng dân tộc, bước đầu nhận thức được những yêu cầu mới cần phải có để đưa cuộc đấu tranh.  - Quý trọng và biết ơn những ngưòi đã hi sinh vì nền độc lập của Tổ quốc. | Trên lớp | - Phân chia lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu và trình bày về một nhân vật lịch sử: Vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật,Hoàng Hoa Thám( Phân công HS chuẩn bị trước)…Thông qua việc các em trình bày , GV sẽ làm rõ về các cuộc đấu tranh.  **-Chỉ cần nêu Sự kiện tiêu biểu các cuộc KN ở I.1,I.2,I.3,I.4. Ý nghĩa của KN Hương Khê.**  - Lập bảng so sánh các giai đoạn của phong trào Cần vương**.( ĐỊA BÀN, LÃNH ĐẠO KẾT CỤC)**  Lập bảng so sánh phong trào Cần vương với phong trào  Yên Thế. |
| 5. | Kiểm tra giữa HK 2 | 26 |  | Theo kế hoạch trường | Bảng đặc tả và ma trận của Sở |
| 6. | Chủ đề: Việt Nam trong những năm đầu thế kỉ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất (1918). (bài 22 và 24) | 27 | ***1. Năng lực***  ***1. 1. Năng lực lịch sử:***  - Trình bày được những biểu hiệncủa sự chuyển biến về kinh tế Việt Nam đầu thế kỉ XX, những chuyển biến về xã hội với sự ra đời của các giai cấp tầng lớp mới.  - Giải thích được nguyên nhân của sự chuyển biến về kinh tế, xã hội.  - Nêu được bản chất bóc lột của thực dân Pháp, căm ghét những kẻ đi xâm lược..., Tác động của CS khai thác của thực dân Pháp đối với kinh tế, xã hội Việt Nam.  - Nêu và đánh giá được tình hình kinh ­tế, xã hội VN dưới tác động của chính sách mà Pháp thực hiện trong chiến tranh.  - Trình bày được sự kiện chính trong buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc.  ***1.2. Năng lực chung:***  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: thông qua các hoạt động nhóm  ***2. Phẩm chất:***  - Giáo dục lòng yêu nước, yêu đồng bào trước cách lầm than nô lê. Đả kích lên án sự bóc lột tàn bạo của thực dân xâm lược.  - Trân trọng truyền thống yêu nước của nhân dân ta. | Trên lớp kết hợp với hướng dẫn HS tự học | - M1: Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp và sự phân hoá trong xã hội Việt Nam.  - M 2 : VN trong những năm CTTG thứ I. |
| 7. | Bài 23. Phong trào yêu nước và Cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 | 28 | ***1. Năng lực***  ***1. 1. Năng lực lịch sử:***  - Trình bày được những hoạt động của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.  - Lí giải được nguyên nhân xuất hiện của những những xu hướng cứu nước của cụ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, tính chất dân chủ tư sản của phong trào, nguyên nhân thất bại?  - So sánh sự giống và khác nhau của hai xu hướng cứu nước đầu thế kỉ XX  ***1. 2. Năng lực chung:***  - Biết sử dụng phương pháp đối chiếu, so sánh các sự kiện lịch sử. Năng lực hợp tác, phát triển ngôn ngữ....  ***2. Phẩm chất:***  - HS biết trân trọng tấm lòng yêu nước của các nhà cách mạng đầu thế kỉ XX. | Trên lớp và hướng dẫn HS tự học | M1 và M2 kết hợp thành bảng so sánh hoạt động của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh theo các nội dung: Mục tiêu, hình thức, phương pháp đấu tranh, các hoạt động…  GV cho HS chuẩn bị trước ở nhà về tiểu sử của PBC và PCT |
| 8. | Sơ kết lịch sử VN từ 1858- 1918 | 29 | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  - Nhận thức được các bước phát triển của lịch sử Việt Nam từ khi thực dân Pháp phát động cuộc chiến tranh xâm lược nước ta đến khi két thúc chiến tranh thế giới thứ nhất.  - Nêu được nguyên nhân phát sinh, quá trình phát triển, tính chất nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của các phong trào yêu nước chống pháp của nhân dân ta trong thời kì lịch sử từ năm 1858 đến năm 1918.  ***1.2. Năng lực chung:***  - Khả năng phân tích, tổng hợp, hoạt động nhóm  **2. Phẩm chất**  - Bồi dưỡng truyền thống yêu nước, ý chí chiến đấu cho nền độc lập của Tổ quốc, cho sự hạnh phúc của nhân dân trong bất kì hoàn cảnh nào; niềm tin vào khả năng của quần chúng và tiền đồ tươi sáng của dân tộc. | Trên lớp kết hợp với hướng dẫn HS tự học. | GV dưới nhiều hình thức khác nhau sẽ củng cố kiến thức LSVN từ 1858-1918:  - VN trước cuộc xâm lược của Pháp.  -Cuộc kháng chiến của nhân dân ta cuối TK XIX và đầu TK XX.  - Những biến đổi của XH VN từ khi Pháp xâm lược. |
| 9. | Ngoại khóa | 30. | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  ***1.2. Năng lực chung:***  **2. Phẩm chất** | Tại lớp hoặc trước cờ. | thông qua các trò chơi lịch sử , đố vui,  Đường lên đỉnh Olimpia, Rung chuông vàng, Theo dòng lịch sử… |
| 10. | Lịch sử địa phương | 31.  32 | ***1. Năng lực***  ***1.1. Năng lực lịch sử:***  ***1.2. Năng lực chung:***  ***2. Phẩm chất*** | Trên lớp  hoặc nếu có điều kiện cho HS đi tham quan các di tích lịch sử ở địa phương. | cho HS chuẩn bị trước nội dung LS địa phương dựa trên sự lựa chọn nội dung dạy học từ đầu năm. Có thể là LS của Tỉnh hoặc Huyện hoặc chọn di tích tiêu biểu ở địa phương. Tổ chức cho các em thuyết trình hoặc đố vui… |
| 11. | Ôn tập | 33,34 | ***1. Năng lực***  Thiết kế bảng biểu, hệ thống hóa kiến thức  Phân tích, đánh giá để lựa chọn sự kiện tiêu biểu nhất.  Năng lực thực hành bộ môn; năng lực tự học, hợp tác, trình bày cho học sinh...  ***2. Phẩm chất***  Giáo dục cho học sinh có thái độ trân trọng những tiến bộ của nhân loại trong suốt hơn 3 thế kỉ của thời cận đại trên các lĩnh vực.  Học sinh có những đánh giá khách quan về chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, biết phòng ngừa, ngăn chặn chiến tranh thế giới. | Trên lớp | Thông qua hệ thống câu hỏi mà GV đã cho HS về nhà chuẩn bị hoặc tổ chức trò chơi như ô chữ, mảnh ghép…Bám vào bảng đặc tả và ma trận của Sở  **-Ôn tập lại những nội dung hướng dẫn HS tự học như bài TK LSTG hiện đại.** |
| 12. | Kiểm tra cuối HK II. | 35 | ***1. Năng lực***  Rèn luyện cho học sinh kĩ năng trình bày vấn đề lịch sử. Vận dụng các kiến thức cơ bản để trả lời các câu hỏi TNKQ.  Kĩ năng phân tích đề**.** Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn  ***2. Phẩm chất***  Giáo dục cho học sinh cách nhìn nhận, đánh giá khách quan vấn đề lịch sử. Đồng thời có thái độ nghiêm túc trong học tập. | Theo kế hoạch của Sở. |  |

**DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU                        TỔ TRƯỞNG NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**

**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 4040/BGDĐT-GDTrH ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ GDĐT*)

**----------------------------------------------------------------**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT…**  **TỔ…** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC LỊCH SỬ, KHỐI 12** (Năm học 2021 - 2022)

*(Học kì I: 18 tuần, 35 tiết; học kì II: 17 tuần, 17 tiết. Tổng cả năm: 52 tiết)*

**HỌC KÌ I (Từ tuần 1 đến tuần 18)**

**II. Kế hoạch dạy học.**

**1. Phân phối chương trình.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức/ĐĐ dạy học** | **Gợi ý hướng dẫn thực hiện** |
| 1 | **Chương II.** Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991-2000) | **Bài 2.** Liên Xô và các nước Đông Âu (1945-1991). Liên bang Nga (1991-2000) | **1**  (1) | *(Các trường tự làm)* | Dạy học trên lớp | - Các nội dung I.1; II.3; III dạy theo quy định. Có thể bố trí các nội dung như sau:  1. Liên Xô từ năm 1945 đến giữa những năm 70.  2. Nguyên nhân tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu.  3. Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000.  *Phần này hướng dẫn học sinh tự học theo gợi ý:*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Vị thế quốc tế |  | | |  | | Kinh tế |  |  | | Chính trị |  | | |  | | Đối ngoại |  | | |  | |
| 2 | **Chương III:** Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh (1945 -2000). | **Bài 3.** Các nước Đông Bắc Á | **1**  (2) |  | Dạy học trên lớp | - Mục I dạy theo quy định.  - Mục II.1: Chỉ tập trung vào sự kiện: Sự ra đời nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và ý nghĩa của sự kiện đó.  - Mục II.2: *Học sinh tự đọc.*  - Mục II.3: Công cuộc cải cách – mở cửa (từ 1978): Chỉ tập trung vào đường lối, thành tựu nổi bật  Nội dung t*hành tựu kinh tế, khoa học – kĩ thuật văn hóa giáo dục: GV hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu theo nội dung SGK:*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Lĩnh vực | | Thành tựu | | Kinh tế | Tốc độ PT |  | | Quy mô KT |  | | Cơ cấu KT |  | | Thu nhập BQĐN |  | | KH - KT | |  | | Chính trị | |  | | Đối ngoại | |  | | Vị thế quốc tế | |  | |  | |  | |
| **Bài 4.** Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ | **3**  (3,4,5) |  | Dạy học trên lớp | **Tiết 1**  - Mục I.1 dạy theo quy định.  - Mục I.1.b.c. Lào (1954 - 1975) và Campuchia (1945 - 1993): Hướng dẫn HS lập bảng các giai đoạn chính của cách mạng Lào và Cam-pu-chia.  - I. 2. *Học sinh tự học*  **Tiết 2, 3:**  Gồm nội dung về ASEAN và Ấn Độ.  - Các nội dung dạy theo quy định.  - Mục. II. Ấn Độ: Dạy theo quy định.  *Riêng mục II.2 GV có thể hướng dẫn học sinh lập bảng tự tìm hiểu những thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước.* Gợi ý lập bảng:  **Những thành tựu của Ấn Độ sau độc lập**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lĩnh vực** | **Thành tựu** |  | | Kinh tế |  |  | | Khoa học – Kĩ thật |  |  | | Chính trị |  |  | | Đối ngoại |  |  | | Vị thế quốc tế |  |  | |
| **Bài 5. C**ác nước châu Phi và Mĩ Latinh | **1**  (6) |  | Dạy học trên lớp | - Các mục I.1; II.1 dạy theo quy định.  - Các mục I.2; II.2: *Học sinh tự học.*  Để tiết dạy nhẹ nhàng GV nên cho HS chuẩn bị 3 bảng hệ thống kiến thức:  1. Các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi.  2. Các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh.  3. So sánh phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và MLT  Gợi ý:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Châu Phi | Mĩ Latinh | | Đối tượng |  |  | | Lãnh đạo |  |  | | Hình thức đấu tranh |  |  | | Mức độ độc lập |  |  | |
| 3 | **Chủ đề:** Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945-2000) | **Chủ đề:** Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945-2000) | **3**  (7,8,9) |  | Dạy học trên lớp: theo chủ đề. | 1. Kinh tế - KHKT.  2. Đối ngoại.  3. Liên minh Châu Âu  ***Gợi ý:***  Hướng dẫn học sinh tìm hiểu trước về các vấn đề và so sánh. Sử dụng PP dạy học Mảnh ghép - nhóm chuyên gia sẽ hoạt đông rất hiệu quả.  Sử dụng 2,5 tiết cho hoạt động dạy học, 0,5 tiết cho trò chơi lịch sử để ôn tâp, so sánh.  \* Nội dung chính trị - xã hội các giai đoạn của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản không dạy. *(học sinh tự học)* |
| 4 | **Chủ đề**. Quan hệ Quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai. | **Chủ đề**. Quan hệ Quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai. | **2**  (10,11) |  | Dạy học trên lớp | Gồm 2 nội dung:  I. Sự hình thành trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.  II. Quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai.  **Tiết 1:**  Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.  I. Hội nghị Ianta (2/1945) và những thỏa thuận của ba cường quốc.  II. Sự thành lập Liên hợp quốc. *Tập trung vào sự thành lập, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động, vai trò của Liên hợp quốc.*  III. *Học sinh tự đọc*  **Tiết 2**  Quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai.  - Mục I; III: Dạy theo quy định  - Mục II: *Học sinh tự học.*  Mục IV. Thế giới sau Chiến tranh lạnh, *Tích hợp với phần II bài 11. Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000.* |
| 5 | **Chương VI.** Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa. | **Bài 10.** Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX | **1**  (12) |  | Dạy học trên lớp | - Mục I.1: Dạy theo quy định.  - Mục I. 2. Những thành tựu tiêu biểu. *Học sinh tự học*  - Mục III: Dạy theo quy định. |
| 6 |  | **Bài** **11**. Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000 | **1**  (13) |  | Dạy học trên lớp. |  |
| 7 |  | **Ôn tập giữa kì I** | **1**  (14) |  |  | Theo hướng dẫn của Sở |
| 8 |  | **Kiểm tra giữa kì I** | **1**  (15) |  |  | Theo hướng dẫn của Sở |
| 9 | **Chủ đề:** Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930 | **Chủ đề:** Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930 | **4** (16,17,18,19) |  | Dạy học trên lớp, theo chủ đề. | **Tiết 1**  Mục I.1 và I.3 dạy theo quy định.  *Mục I.3 GV hướng dẫn học sinh lập bảng về sự phân hóa giai cấp, đặc điểm và thái độ chính trị của các giai cấp. Tập trung vào nội dung Sự phân hóa giai cấp.*  *-* Mục I.2: *Học sinh tự học.*  **Tiết 2:**  - Mục II.1 và II.2: *Học sinh tự học.*  - Mục II.3: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.  *Mục này GV hướng dẫn HS tự lập bảng trước ở nhà:*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thời gian | Sự kiện | Ý nghĩa | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   **Tiết 3:**  III. Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức cách mạng.  1. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.  2. Việt Nam Quốc dân đảng.  - Mục 2. Tân Việt Cách mạng đảng (SGK trang 85): *Học sinh tự học.*  **Tiết 4:**  IV. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời: *Dạy theo quy định*  1. Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929.  2. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. |
| 10 | **Chương II: Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945.** | **Bài 14.** Phong trào cách mạng 1930 - 1935 | **2** (20,21) |  | Dạy học trên lớp | **-** Các Mục I; II: dạy theo quy định.  **Tiết 1:** dạy mục I và II.1;2  - Mục I. giới thiệu ngắn gọn tình hình kinh tế, xã hội, chính trị để qua đó xác định nguyên nhân dẫn đến phong trào cách mạng 1930 - 1931.  - Mục II. Mục diễn biến phong trào kết hợp sơ đồ phát triển và lược đồ. Tập trung vào những mốc thời gian quan trọng, không sử dụng nhiều thời gian cho nội dung này.  **Tiết 2:** Dạy mục II.3;4  - Mục III: *Học sinh tự đọc.*  Chú ý: Mục II.3 - Nội dung Hội nghị lần thứ nhất BCH TƯ lâm thời ĐCS VN (10 - 1930): Cần so sánh với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, từ đó rút ra những điểm giống và khác nhau.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Nội dung | Cương lĩnh chính trị | Luận cương chính trị |  |  | | Đường lối CL |  |  |  |  | | Nhiệm vụ CM |  |  |  |  | | Lực lượng CM |  |  |  |  | | Lãnh đạo |  |  |  |  | | Mối quan hệ với CM TG |  |  |  |  | |
| **Bài 15.** Phong trào dân chủ 1936 - 1939 | **1**  (22) |  | Dạy học trên lớp | - Các mục I.1; II.1; II.2a; II.3: dạy theo quy định.  - Mục I.2.Tình hình trong nước. *Học sinh tự học*  - Mục II.2b,c*: Học sinh tự học.* |
| **Bài 16.** Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939- 1945). Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời | **3** (23,24,25) |  | Dạy học trên lớp | - Các mục I; II.1; II.3; III.1; III.3; IV; V: dạy theo quy định.  - Mục II.2: Học sinh tự học.  - Mục II.4 và III.2: Tích hợp thành một mục II.4. Quá trình chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Hướng dẫn HS lập bảng những sự kiện chính.  **Tiết 1.**  Mục I. Tình hình Việt Nam trong những năm 1939 - 1945.  Mục II. Sự chuyển hướng chỉ đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.  1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 11 - 1939.  2. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương 5 - 1941.  **Tiết 2**  3. Quá trình chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.  (Mục II.4. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền và Mục III.2. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa . Tích hợp thành một mục 3. Quá trình chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. *Hướng dẫn HS lập bảng những sự kiện chính*)  Mục III. Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.  1. Khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8.1945)  **Tiết 3:**  2. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.  Mục IV. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập (2.9.1945)  Mục IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm1945. |
| 11 | **Chương III. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954.** | **Bài 17.** Nước VNDCCH từ sau ngày 2 - 9 - 1945 đến trước 19 -12 - 1946. | **2** (26,27) |  | Dạy học trên lớp | - Các nội dung dạy theo quy định. |
| **Bài 18.** Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950). | **2** (28,29) |  | Dạy học trên lớp | - Các mục I; II.1; III.1; IV: Dạy học theo quy định  - Mục II.2.Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài: *Học sinh tự đọc.*  - Mục III.2. Đẩy mạnh kháng chiến toàn diện: *Học sinh tự đọc.* |
| **Bài 19**. Bước phát triển của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1951 - 1953). | **1**  (30) |  | Dạy học trên lớp | - Các mục: I.2; II: Dạy học theo quy định.  - Mục I.1. Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến. *Học sinh tự học.*  - Mục III. Hậu phương kháng chiến phát triển mọi mặt. *Chỉ tập trung sự kiện chính về chính trị, kinh tế.*  - Mục IV: *Học sinh tự đọc.* |
| **Bài 20.** Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 - 1954). | **2** (31,32) |  | Dạy học trên lớp | - Mục I; II; IV: Dạy theo quy định.  - Mục III. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lặp lại hòa bình ở Đông Dương. *Tập trung vào nội dung, ý nghĩa, hạn chế của Hiệp định Giơnevơ.* |
| 12 |  | **Ngoại khóa** | **1**  (33) |  |  | Thuyết trình về một số vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế hiện nay. |
| 13 |  | **Ôn tập** | **1**  (34) |  | Dạy học trên lớp | Theo ma trận của Sở |
| 14 |  | **Kiểm tra cuối kì I** | **1**  (35) |  |  | Theo hướng dẫn của Sở |

**HỌC KÌ II (Từ tuần 19 đến tuần 35)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/ chủ đề** | **Tên bài học/chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức/ĐĐ dạy học** | **Gợi ý**  **Hướng dẫn thực hiện** |
| 1 | **Chủ đề:** Lịch sử Việt Nam từ 1954 đến 1973 | **Chủ đề:**  Lịch sử Việt Nam từ 1954 đến 1973 | **6** (36,37, 38,39,  40,41) |  | Dạy học trên lớp theo chủ đề. | - Các mục: I; III.2; IV.1; V (bài 21) và các mục I.1; III.1 (bài 22): Dạy theo quy định.  Các mục II; III.1; IV2 (bài 21): Học sinh tự đọc.  - Mục II (bài 22): Học sinh tự đọc.  - Mục IV.1 (bài 22): Không thực hiện  - Mục I.2 (bài 22): Chỉ tập trung vào chiến thắng Vạn Tường năm 1965.  - Mục I.3 (bài 22): Tập trung vào ý nghĩa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.  - Mục III.2 (bài 22): Học sinh tự đọc “Đông Dương hóa chiến tranh”. Chỉ tập trung vào thắng lợi về chính trị và ngoại giao.  Mục III.3 (bài 22): Chỉ tập trung vào ý nghĩa của Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.  - Mục IV.2 (bài 22): Tập trung vào kết quả, ý nghĩa của trận Điện Biên Phủ trên không và vai trò của hậu phương miền Bắc.  - Mục V (bài 22): Chỉ tập trung vào nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973.  **Chú ý:** *Việc phân phối số tiết trong chủ đề có tính tương đối. GV linh hoạt thực hiện.*  **Tiết 1,2:**  1. Tình hình và nhiệm vụ cách mạng Việt Nam sau 1954.  2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960).  3. Phong trào “Đồng khởi” (1959-1960)  **Tiết 3,4,5:**  4. Các chiến lược chiến tranh của Mĩ ở miền Nam Việt Nam từ 1961 - 1973.  *- GV hướng dẫn học sinh lập trước bảng tìm hiểu về: âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mĩ và những thắng lợi tiêu biểu của nhân dân ta trong các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa chiến tranh”*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Chiến tranh đặc biệt | Chiến tranh cục bộ | VN hóa chiến tranh | | Lực lượng tiến hành |  |  |  | | Âm mưu |  |  |  | | Thủ đoạn |  |  |  | | Những thắng lợi tiêu biểu (quân sự, chính trị, ngoại giao) |  |  |  |   **-** Yêu cầu học sinh so sánh các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mĩ ở miền Nam Việt Nam.  **Tiết 6.**  5. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương (1969-1973)  6. Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam. |
| 2 |  | **Ôn tập giữa kì II** | **1**  (42) |  | Dạy học trên lớp | Theo hướng dẫn của Sở |
| 3 |  | **Kiểm tra giữa kì II.** | **1**  (43) |  |  | Theo hướng dẫn của Sở |
| 4 |  | **Bài 23.** Giải phóng hoàn toàn Miền Nam 1973 -1975 | **2** (44,45) |  | Dạy học trên lớp | - Mục I: *Học sinh tự đọc.*  - Mục II: Tập trung vào sự kiện Hội nghị 21 Ban chấp  hành Trung ương Đảng và Chiến thắng Phước Long.  - Các nội dung còn lại dạy theo quy định.  Riêng mục III.3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. GV *Hướng dẫn học sinh lập bảng ở nhà, lưu ý phần giảm tải, GV chỉ lưu ý những nội dung trọng tâm.*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Chiến dịch | Chủ trương của Đảng | Thời gian | Diễn biến chính | Ý nghĩa | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |
| 5 | **Chương V.** Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000. | **Bài 24**. Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước 1975  **Bài 25**. Việt Nam xây dựng CNXH và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc | **1**  (46) |  | Dạy học trên lớp | - Mục I; III (bài 24): Dạy theo quy định.  - Mục II (bài 24): Học sinh tự học.  - Mục I (bài 25): Học sinh tự học.  - Mục II: Dạy theo quy định. |
| **Bài 26**. Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986 – 2000) | **1**  (47) |  | Dạy học trên lớp |  |
| 6 |  | **Bài 27:** Tổng kết lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 2000 | **1**  (48) |  | Dạy học trên lớp |  |
| 7 |  | **Lịch sử địa phương** | **2** (49,50) |  |  | Tùy điều kiện của từng địa phương |
| 8 |  | **Ôn tập kiểm tra học kì II** | **1**  (51) | Theo ma trận của Sở |  | Linh hoạt tổ chức các hoạt động để ôn tập. |
| 9 |  | **Kiểm tra cuối kì II** | **1**  (52) | Theo ma trận của Sở |  |  |

**Lưu ý kí hiệu:** - **1** nghĩa là bài đó dạy một tiết.

- (52) là số tiết phân phối chương trình.

**DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU TỔ TRƯỞNG NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**